

**CÔNG TY TNHH SM GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SM GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SM GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110095396

**3. Ngày thành lập:** 18/08/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Trần Phú, làng Văn Minh, Xã Nam Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966 523 498

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (không hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                              | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                    | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                            | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                          | 4633     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: bán buôn hàng may mặc; bán buôn giày dép                                                                                                                                                                                | 4641     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu; Dụng cụ nhà bếp                                                          | 4649     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                   | 4663     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn sợi dệt                                                                                                                                                                                         | 4669     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại số 36/2005/QH11)                                                                                             | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4690 |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4711 |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4719 |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4721 |
| 15. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1311 |
| 16. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1312 |
| 17. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1313 |
| 18. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như:<br>+ Vải nhung và vải bông,<br>+ Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự,<br>+ Các loại vải bằng đan móc khác;<br>- Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan.<br>- Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục).                                                                                          | 1391 |
| 19. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1392 |
| 20. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1393 |
| 21. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1394 |
| 22. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính,<br>- Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn...<br>- Sản xuất đồ tĩa trang trí: vải viền, quả tua,<br>- Sản xuất nỉ,<br>- Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí,<br>- Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa | 1399 |
| 23. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1410 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú<br>Chi tiết: + Trang phục lông thú và phụ trang,<br>+ Các phụ kiện làm từ lông da như tấm, miếng lót, mảnh dải...<br>+ Các sản phẩm phụ khác từ da lông thú như thảm, đệm, mảnh đánh bóng công nghiệp                                                                                                                                                                         | 1420 |
| 25. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1430 |
| 26. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1512 |
| 27. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1520 |
| 28. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1629 |
| 29. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2022 |
| 30. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất mỹ phẩm<br>- Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>(Điều 3, Điều 4 Nghị định số 93/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                    | 2023 |
| 31. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>(Điều a, Khoản 2 Điều 32 Luật Dược năm 2016)                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2100 |
| 32. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: bán lẻ hàng dệt, may mặc, giày dép, hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4782 |
| 33. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: bán lẻ mỹ phẩm lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4789 |
| 34. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4791 |
| 35. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...;<br>- Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng;<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). | 4799 |
| 36. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất bàn chải giày, quần áo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3290 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 37. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                        | 4751        |
| 38. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                   | 4752        |
| 39. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                            | 4753        |
| 40. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                | 4759        |
| 41. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                               | 4761        |
| 42. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                             | 4763        |
| 43. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)<br>(không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)                                           | 4764        |
| 44. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: bán lẻ hàng dệt, hàng may mặc; bán lẻ cặp, túi, ví, hàng dân dụng khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                              | 4771(Chính) |
| 45. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                | 4772        |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THANH MAI | Việt Nam  | Khu 2, thôn Cự Trữ, Xã Phương Định, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | 300.000.000           | 30,000    | N2452099                                                                                                |         |
| 2   | PHÙNG NGỌC SƠN       | Việt Nam  | Làng Văn Minh, Xã Nam Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | 700.000.000           | 70,000    | 001099038296                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHÙNG NGỌC SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/07/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001099038296

Ngày cấp: 26/06/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Làng Văn Minh, Xã Nam Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Làng Văn Minh, Xã Nam Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội